

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Yến

Ông Đinh Đắc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị H, sinh năm 1976, nơi ĐKKHKT: Tổ M, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ Đ, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Ông Lương Hữu G, sinh năm 1969, nơi cư trú: Tổ M, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 05-4-2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Vũ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà xây dựng hạnh phúc với ông Lương Hữu G trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 25-11-1997. Sau khi kết hôn, bà và ông G sống chung tại tổ dân phố M, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc được gần 20 năm. Ông bà phát sinh mâu thuẫn khoảng 02 năm trở lại đây. Nguyên nhân là do ông G uống rượu nhiều thành nghiện rồi chửi bà khiến cho vợ chồng thường xuyên cãi cọ. Ông G uống rượu nhiều nên không còn đủ sức khỏe để đi làm lo cho gia đình, bà phải một mình lo cho cả gia đình. Bà đã đi làm về mệt, còn bị ông G chửi suốt đêm khiến bà không thể chịu được. Bà đã chuyển về nhà bố đẻ tại tổ Đ, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng sống được khoảng hơn 01 năm nay. Tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông G.

- Về con chung: Bà và ông G có 02 con chung là Lương Hữu T, sinh ngày 10-11-1997 và Lương Thị Hương T, sinh ngày 07-6-2006. Anh T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà đề nghị giao chị T cho ông G nuôi dưỡng vì hiện bà không có chỗ ở ổn định. Việc cấp dưỡng nuôi con bà sẽ tự thỏa thuận với ông G, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông G theo quy định của pháp luật, nhưng ông không đến Tòa án tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không có bản tự khai của ông G.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự, nhưng ông G không đến tham gia. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông G theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông G.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao chị Lương Thị Hương T cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà H không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, bà Hương phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là ông Lương Hữu G, cư trú tại: Tổ M, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên toà, nguyên đơn là bà Vũ Thị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H; bị đơn là ông Lương Hữu G vắng mặt nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 25-9-2019, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành xét xử vắng mặt ông G.

[3] Về hôn nhân: Bà H và ông G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 25-11-1997 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 5 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

[4] Các tài liệu, chứng cứ xác định: Bà H và ông G chung sống hạnh phúc được gần 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khoảng 02 năm trở lại đây, ông G uống rượu nhiều thành nghiện, không có sức khỏe để đi làm, nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà H và gia đình đã khuyên can ông G để ông bỏ rượu, nhưng ông không nghe. Vì thế, tình cảm vợ chồng dần không còn tiếng nói chung, cả hai lạnh nhạt, không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn. Ông, bà đã sống ly thân được khoảng hơn 01 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo hòa giải cho ông G để ông đến Tòa án giải quyết, nhưng ông bỏ mặc không đến Tòa án. Như vậy, ông G không còn mong muốn hòa giải để đoàn tụ. Có thể thấy, bà H và ông G không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau; đã ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[5] Về nuôi con chung: Bà H và ông G có 02 con chung là Lương Hữu T, sinh ngày 10-11-1997 và Lương Thị Hương T, sinh ngày 07-6-2006. Anh T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà đề nghị giao chị T cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại bà H không có chỗ ở ổn định, chị T đang ở ổn định cùng ông G, anh T và gia đình ông G. Chị T đã hơn 13 tuổi, có nguyện vọng được với ông G để tiếp tục đi học hành; gia đình ông G và anh T có điều kiện để chăm sóc tốt cho chị T. Nên việc giao chị T cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của chị T và bà H, đảm bảo quyền lợi của chị T theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi

con, bà và ông G sẽ tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà H và ông G có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Vũ Thị H được ly hôn ông Lương Hữu G.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao chị Lương Thị Hương T, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2006 cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H, hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai số 0006997 ngày 11-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà H và ông G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Ngọc Xuyên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

